TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/12/2019
V/v: "Ly hôn giữa Ông G và bà V"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Trọng Mãnh.

2. Bà Chung Kim Sang.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngọc Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 367/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Kiên G, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Số 52/41, đường N T H, phường V B, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trương Thúy V, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Số 72/2, đường N T H, phường V T V, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/8/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Phạm Kiên G trình bày: Ông G và bà V tự nguyện quen nhau từ năm 2006, đi đến tổ chức lễ cưới vào tháng 11/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường V T V, thành phố R G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/10/2016.

Lý do ông G yêu cầu xin ly hôn: Ông G cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách

cư xử, sinh hoạt hàng ngày và về vấn đề kinh doanh làm ăn để phát triển kinh tế gia đình; mỗi người có cách suy nghỉ và hành động khác nhau, từ đó đôi bên thường xảy ra mâu thuẫn, hay cự cải với nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống với nhau không hạnh phúc nên đôi bên đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, cả hai bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông G yêu cầu được ly hôn với bà V.

Về con chung: Ông G xác nhận vợ chồng chung sống không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông G xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Ông G yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông G yêu cầu được ly hôn với bà V.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G phát biểu ý kiến:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo tính khách quan của vụ án.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông G đối với bà V.

Về con chung, nợ chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Tòa án có triệu tập bà V để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng bà V vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên toà hợp lệ, nhưng bà V cố tình lánh mặt không đến toà án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn bà Trương Thúy V.

[2] Nhận định về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa Ông G xác nhận, Ông G và bà V tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V T V, thành phố R G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/10/2016. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Ông G và bà V được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông G, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng ông G, bà V không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc: Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bà V cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến, điều đó cho thấy bà V cũng không có thiện chí và mong muốn trong việc hàn gắn tình cảm với ông G. Tại phiên tòa, ông G thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ; ông G và bà V cũng đã ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay, cả hai đã bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông G và bà V đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông G được ly hôn với bà V.

[4] Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Tòa án có triệu tập bà Trương Thúy V để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, bà V cố tình lánh mặt không đến Tòa án, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông G. Trường hợp bà V có tranh chấp về con chung, tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông G phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm Kiên G và bà Trương Thúy V.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn**:** Ông G phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Ông G đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007288, ngày 19/8/2019 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên Ông G được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa